TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST
Ngày 19/11/2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Thị Ngoãn

Bà Nguyễn Thị Kim Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Ngọc Ánh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2020/TLST - HNGĐ ngày 29/5/2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2020/QĐXX-ST ngày 14/10/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1990 "có mặt"; địa chỉ: thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1987 "vắng mặt"; địa chỉ: thôn T, xã D, huyện B, tỉnh Bình Phước;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Lời trình bày của chị Nguyễn Thị Cẩm N tại đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2008. Trong thời gian chung sống chị N và anh T không có hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc và không chăm lo kinh tế trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay, chị N xác định cuộc sống

hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị N và anh T có 02 người con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 08/6/2009 và Phạm Như A, sinh ngày 03/5/2011. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị N 1.000.000 đồng/ 1 người con/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung thành niên.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Ngọc T: Vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Về các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị N được ly hôn anh T; về con chung: Giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung do nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Bị đơn anh T cư trú tại xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40 Bộ luật Tố

tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2] Đối với bị đơn anh Phạm Ngọc T đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhưng anh T vẫn vắng mặt lần hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phạm Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau và có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước vào năm 2008. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống chị N và anh T không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, thường xuyên đánh bạc và không chăm lo kinh tế trong gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tại phiên tòa, chị N xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Đối với bị đơn anh T, Tòa án triệu tập nhiều lần để làm việc và hòa giải về hôn nhân nhưng anh T không đến tham gia, thể hiện sự bỏ mặc không có sự tôn trọng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

[4] Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống chị N và anh T có 02 người con chung là Phạm Anh K, sinh ngày 08/6/2009 và Phạm Như A, sinh ngày 03/5/2011. Tại phiên tòa chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, yêu cầu được nuôi con là quyền, nghĩa vụ của chị N và anh T đã được quy định tại điều 58 Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay, các con chung đang do chị N trực tiếp nuôi và cũng trong quá trình giải quyết vụ án, các con chung cũng có nguyện vọng được sống với chị N. Do vậy, cần tiếp tục giao các con cho chị N trực tiếp nuôi cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyện vọng của cháu K và cháu Ý. Thời hạn giao con cho chị N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị N 1.000.000 đồng/1 người con/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến khi các con chung thành niên. Tổng số tiền anh T phải cấp dưỡng hàng tháng là 2.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định *"2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Do vậy, yêu cầu cấp dưỡng cho con của chị N là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh T phải cấp dưỡng cho con chung 1.000.000 đồng/người con/tháng, số tiền anh T phải cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung Phạm Anh K và Phạm Như A thành niên. Anh T chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2

Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Cẩm N phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp.

- Án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng anh Phạm Ngọc T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Phạm Ngọc T.

2. Về nuôi con: Giao con chung Phạm Anh K, sinh ngày 08/6/2009 và Phạm Như A, sinh ngày 03/5/2011 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N trực tiếp nuôi đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Thời hạn giao con chung cho chị N kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng: Anh Phạm Ngọc T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là Phạm Anh K, sinh ngày 08/6/2009 và Phạm Như A, sinh ngày 03/5/2011 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng), số tiền anh T phải cấp dưỡng là

2.000.000 đồng/tháng. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật đến khi các con chung Phạm Anh K và Phạm Như A thành niên.

Anh T chậm cấp dưỡng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền chậm cấp dưỡng.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, chị N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu số 0019208 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Án phí dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Phạm Ngọc T phải chịu.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND H. Bù Gia Mập;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;
- UBND xã Đa Kia;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Công